

Số: 01a/QĐ-SNV

Tây Ninh, ngày 05 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách 12 tháng năm 2023
của Sở Nội vụ Tây Ninh

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ

Căn cứ Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách 12 tháng năm 2023 của Sở Nội vụ (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn; các đơn vị chức năng có liên quan căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Kho bạc nhà nước;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Ngân

Đơn vị: Sở Nội Vụ tỉnh Tây Ninh

Chương: 435

Mã QHNS: 1028268

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 05 tháng 01 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

12 tháng năm 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023	Thực hiện 12 tháng	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện 12 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	28.239.419.243	15.186.637.245	53,78%	69,52%
I	Nguồn ngân sách trong nước	28.239.419.243	15.186.637.245	53,78%	69,52%
1	Chi quản lý hành chính	18.733.109.115	8.300.321.680	44,31%	67,06%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.454.263.005	4.806.526.474	88,12%	107,61%
1.2	Kinh phí thực hiện cải cách lương (0114)	312.680.000	312.680.000	100,00%	
1.3	Kinh phí thực hiện cải cách lương (0214)	96.654.920	51.370.914	53,15%	
1.4	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	12.840.584.500	3.126.613.492	24,35%	39,56%
1.5	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (CTMTQG Xây dựng nông thôn mới)	28.926.690	3.130.800	10,82%	50,70%
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9.400.000.000	6.859.715.565	72,98%	83,91%
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.400.000.000	6.859.715.565	72,98%	83,91%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

5	Chi đảm bảo xã hội	26.600.000	26.600.000	100%	152%
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	26.600.000	26.600.000	100%	152%
6	Chi hoạt động kinh tế	79.710.128			
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	79.710.128			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				



9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Tây Ninh, Ngày 05 tháng 01 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Ngân

